

Bản án số: 398/2023/DS-ST
Ngày 16-10-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Trụ sở A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 193/2023/QĐ-LienVietPostBank.CM ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Chi nhánh); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phùng Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Phước H2, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
3. Bà Phan Thị H3, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
4. Ông Quách Trường G, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
5. Bà Quách Thị M, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
6. Ông Đặng Văn M1, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
7. Bà Vũ Kim C, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
8. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
9. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
10. Ông Lê Tấn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
11. Ông Nguyễn Minh C1, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
12. Ông Phạm Huỳnh Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L phát sinh dư nợ tại Ngân hàng TMCP B Chi nhánh C2, như sau:

Ngày 18 tháng 06 năm 2019, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh C2 – Phòng G1, và vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L ký hợp đồng tín số HDTD93120190204. Hai bên đã thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: 500.000.000 đồng; mục đích vay sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn cho vay 48 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của Ngân hàng giải ngân đầu tiên; lãi suất tiền vay 11%/năm cố định 3 tháng đầu; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất

trong hạn; trả gốc và lãi hàng tháng; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Vợ chồng ông H1, bà L nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số 93120190204/01, ngày 19 tháng 6 năm 2019, với số tiền nhận nợ 500.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông H1, bà L đã trả cho khoản vay này là 584.773.976 đồng

Ngày 12 tháng 09 năm 2022, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh C2 - Phòng giao dịch Trần Văn T1 và vợ chồng ông H1, bà L ký hợp đồng tín dụng số: HDTD931202200267. Hai bên đã thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền cho vay 700.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn đánh bắt nguồn lợi thủy sản, thời hạn cho vay 12 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của Ngân hàng giải ngân đầu tiên; lãi suất 11%/năm cố định 3 tháng đầu; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả gốc vào cuối kỳ và trả lãi hàng tháng; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Vợ chồng ông H1, bà L nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số 931202200267/01, ngày 12 tháng 9 năm 2022, với số tiền nhận nợ 700.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi ông H1, bà L đã trả cho khoản vay này là 34.125.480 đồng.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh C2 - Phòng giao dịch Trần Văn T1 và vợ chồng ông H1, bà L đã ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD931202300080. Hai bên đã thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền cho vay 300.000.000 đồng; mục đích vay mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn cho vay 4 tháng; lãi suất 12,5%/năm; lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả gốc vào cuối kỳ và trả lãi hàng tháng; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Vợ chồng ông H1, bà L chưa trả nợ cho khoản vay này.

Để đảm bảo khoản vay ông Nguyễn Thế H1 và bà Phùng Thị L có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62/2019/HĐTC/PGDTranVanThoi, ngày 18 tháng 06 năm 2019 để thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 0104, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0626007 do UBND huyện T cấp ngày 10 tháng 03 năm 1995. Hợp đồng thế chấp được đăng ký hợp lệ.

Ngoài ra, ngày 22 tháng 01 năm 2020, ông Nguyễn Thế H1 có đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế, với hạn mức tín dụng đề nghị là 30.000.000 đồng.

Tuy bên vay vốn đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc trực tiếp, Ngân hàng đã thực hiện đôn đốc, kéo dài thời gian khởi kiện để tạo điều kiện cho bên vay vốn có thời gian thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng bên vay vốn vẫn chưa thanh toán được khoản nợ vay tại Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thế H1 và bà Phùng Thị L phải thanh toán toàn bộ 03 Hợp đồng trong đó bao gồm: Nợ gốc và lãi tạm

tính đến ngày 16 tháng 10 năm 2023 cho Ngân hàng cho Hợp đồng tín dụng số HDTD93120190204; Hợp đồng tín dụng số HDTD931202200267; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD931202300080 và Thẻ tín dụng Master car với số tiền cụ thể là 1.183.679.523 đồng. Chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số HDTD93120190204 nợ tiền gốc 52.068.952 đồng, tiền lãi trong hạn 1.734.367 đồng, tiền lãi quá hạn 6.751.509 đồng.

Hợp đồng tín dụng số HDTD931202200267 nợ tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 58.113.425 đồng, tiền lãi quá hạn 14.790.403 đồng.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD931202300080 nợ tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 12.800.138 đồng, tiền lãi quá hạn 22.344.449 đồng.

Nợ thẻ tín dụng Master car là 15.076.280 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thế H1 và bà Phùng Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP B kể từ sau 16 tháng 10 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Thế H1 và bà Phùng Thị L không thanh toán được hoặc không trả hết nợ, đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp văn bản trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thế H1 và bà Phùng Thị L trả số tiền đã vay nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng ông H1, bà L cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết lợp lệ Quyết định đưa vụ

án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu trả nợ Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L có vay nợ của Ngân hàng TMCP B theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số HDTD93120190204 ngày 18 tháng 06 năm 2019, số tiền vay 500.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng số HDTD931202200267 ngày 12 tháng 09 năm 2022, số tiền cho vay 700.000.000 đồng, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD931202300080 ngày 13 tháng 02 năm 2023, số tiền cho vay 300.000.000 đồng. Từng hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi cụ thể. Các hợp đồng đều thỏa thuận tiền lãi sẽ được trả định kỳ hàng tháng. Tuy các khoản vay chưa hết thời hạn cho vay nhưng do vợ chồng ông H1, bà L đã vi phạm nghĩa vụ về trả nợ lãi, do đó Theo quy định “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong thỏa thuận cho vay và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay*”, Ngân hàng TMCP B có quyền khởi kiện để yêu cầu trả nợ trước hạn. Ngoài ra, ngày 22 tháng 01 năm 2020, ông Nguyễn Thế H1 có đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế, với hạn mức tín dụng đề nghị là 30.000.000 đồng.

[4] Tính đến ngày 16 tháng 10 năm 2023, các hợp đồng nêu trên phát sinh số dư nợ gốc và lãi là 1.183.679.523 đồng; trong đó hợp đồng tín dụng số HDTD93120190204 nợ tiền gốc 52.068.952 đồng, tiền lãi trong hạn 1.734.367 đồng, tiền lãi quá hạn 6.751.509 đồng; hợp đồng tín dụng số HDTD931202200267 nợ tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 58.113.425 đồng, tiền lãi quá hạn 14.790.403 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD931202300080 nợ tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 12.800.138 đồng, tiền lãi quá hạn 22.344.449 đồng, nợ thẻ tín dụng Master car là 15.076.280 đồng. Nhận thấy vợ chồng ông H1, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã giao kết nên áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, vợ chồng ông H1, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số nợ tính đến ngày 16 tháng 10 năm 2023 như Ngân hàng yêu cầu.

[5] Trước khi ký kết các Hợp đồng tín dụng nêu trên, vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62/2019/HĐTC/PGDTranVanThoi, ngày 18 tháng 06 năm 2019 để thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 0104, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0626007 do UBND huyện T cấp ngày 10 tháng 03 năm 1995. Hợp đồng thế chấp được đăng ký hợp lệ. Khi ký kết 03 hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông H1, bà L thống nhất dùng tài sản thế chấp này để bảo đảm cho 03 khoản vay. Xét thấy, mặc dù trước đây giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Tiến D là cha của ông H1, tuy nhiên ông D đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế H1 và ông H1 dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay và thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm hợp lệ. Do đó, áp dụng các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu vợ chồng ông H1, bà L không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông H1, bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng ông H1, bà L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H1, bà L.

[6] Chi phí tố tụng: Trong quá trình tố tụng, tòa án có tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ để thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có phát sinh chi phí tố tụng với số tiền là 800.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông H1, bà L phải chịu chi phí tố tụng nêu trên, nguyên đơn đã dự nộp trước nên vợ chồng ông H1, bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông H1, bà L phải chịu là 36.000.000 đồng + (383.679.523 đồng x 3%) = 47.510.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N2; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.183.679.523 (một tỉ một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi ba) đồng; bao gồm:

Hợp đồng tín dụng số HDTD93120190204 nợ tiền gốc 52.068.952 (năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm năm mươi hai) đồng, tiền lãi trong hạn 1.734.367 (một triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn 6.751.509 (sáu triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm lẻ chín) đồng.

Hợp đồng tín dụng số HDTD931202200267 nợ tiền gốc 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn 58.113.425 (năm mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn 14.790.403 (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn bốn trăm lẻ ba) đồng.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD931202300080 nợ tiền gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn 12.800.138 (mười hai triệu tám trăm nghìn một trăm ba mươi tám) đồng, tiền lãi quá hạn 22.344.449 (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín) đồng.

Nợ thẻ tín dụng Master car là 15.076.280 (mười lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ, vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cam kết tại các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP B có quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa đất số 0104, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0626007 do UBND huyện T cấp ngày 10 tháng 03 năm 1995 để thu hồi nợ. Trường hợp tại thời điểm phát mãi có tài sản gắn liền phát sinh thì cũng được xử lý để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0626007, do UBND huyện T cấp ngày 10 tháng 03 năm 1995 cho ông Nguyễn Thế H1.

Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm nếu có người khác đang thực tế sống cùng hoặc đang quản lý sử dụng thì cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

3. Chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thế H1, bà Phùng Thị L phải chịu 47.510.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 22.138.000 (hai mươi hai triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006596 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp